

Số: 13 /NQ-ĐH.ĐCĐ

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Thực hiện Nội dung, kết quả biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa ngày 25/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Nội dung đã được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đầu tư năm 2022;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021;
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:
 - a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa như sau:

Đơn vị: VN đồng

Vốn điều lệ công ty: (A)	=	260.000.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế: (B)	=	32.698.258.343 đồng
Chia cổ tức cho cổ đông: $10 \% \times A$	=	26.000.000.000 đồng
Trích quỹ đầu tư phát triển: $3,38 \% \times B$	=	1.105.591.343 đồng
Trích quỹ khen thưởng: $12,54 \% \times B$	=	4.100.000.000 đồng
Trích quỹ phúc lợi: $3,98 \% \times B$	=	1.300.000.000 đồng
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH $0,59 \% \times B$	=	192.667.000 đồng

c. Trên cơ sở phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2021 là 10 % vốn điều lệ.



d. Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư năm 2022, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2022, dự kiến là 10,3% vốn Điều lệ.

6. Tờ trình thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký, quản trị nội bộ:

Thù lao kế hoạch năm 2021:	672.000.000 đồng.
Thù lao thực hiện năm 2021:	578.000.000 đồng.
Dự kiến quỹ thù lao năm 2022:	672.000.000 đồng.

7. Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Mã chứng khoán: KHW.

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000đồng / cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn : 2.600.000 cổ phiếu.

8. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2022:

Sau khi đánh giá hồ sơ năng lực và thư chào giá của 03 đơn vị : CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng ; Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh; Công ty TNHH Kiểm toán – thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán – thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa năm 2022.

9. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(Đính kèm phụ lục : Nội dung sửa đổi của Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.)

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ sau khi kết thúc đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. CHỦ TỌA ĐOÀN



VŨ VĂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Vào lúc 7h30 ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường công ty, số 58 đường Yersin, thành phố Nha Trang, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

1. Khai mạc cuộc họp:

Ông Nguyễn Quốc An – Trưởng phòng TCHC- MC điều khiển phần nghi thức khai mạc bao gồm:

- Chào cờ;
- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu;
- Giới thiệu nhân sự làm thành viên Ban thẩm tra điều kiện dự họp của cổ đông tham dự Đại hội, bao gồm: 02 thành viên

1. Ông Hoàng Long - Trưởng ban

2. Ông Nguyễn Quốc An - Thành viên

2. Báo cáo kết quả thẩm tra điều kiện dự họp của cổ đông tham dự Đại hội :

Ông Hoàng Long – Trưởng ban, trình bày báo cáo: Tính tới thời điểm 8h00 phút ngày 25/4/2022

- Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự là 303 cổ đông.
- Tương ứng với tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự: 25.999.300 cổ phần.
- Tỷ lệ tổng số cổ phần biểu quyết: 99,997%.
- Tất cả các cổ đông đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

3. Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn

Ông Nguyễn Quốc An trình bày và điều khiển Đại hội thông qua số lượng và danh sách nhân sự Chủ tọa đoàn với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

Chủ tọa đoàn gồm 3 người:

1. Ông Vũ Văn Bình - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
2. Ông Nguyễn Văn Đàm - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Thành viên
3. Ông Trương Khắc Hoàn - Thành viên HĐQT – Thành viên

4. Đoàn chủ tọa chỉ định 02 thành viên làm thư ký đại hội:

1. Bà Võ Thị Khánh Hòa - Thư ký HĐQT
2. Bà Nguyễn Thanh Hằng - Quản trị viên

5. Ban Kiểm phiếu: Giới thiệu và bầu 4 người:

1. Ông Đào Lê Khánh – Phó trưởng phòng TCHC - Trưởng ban;
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh – Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên;
3. Ông Ngô Vũ Duy – Nhân viên IT - Thành viên.
4. Bà Trần Thị Thu Hồng – Nhân viên phòng TCHC – Thành viên.

Ông Nguyễn Quốc An điều khiển Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100%.

6. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết :

Ông Vũ Văn Bình – Chủ tọa, trình bày và điều khiển Đại hội thông qua:

- Chương trình Đại hội.
- Quy chế làm việc và biểu quyết.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết.

7. Thông qua các báo cáo tại Đại hội:

7.1 Ông Nguyễn Văn Đàm – Thành viên ban chủ tọa, - tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

7.2 Ông Vũ Văn Bình – Chủ tọa Đại hội, chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.

7.3 Ông Hoàng Long – Trưởng Ban kiểm soát, trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

8. Thông qua các tờ trình:

Ông Trương Khắc Hoàn trình bày các tờ trình:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021; kế hoạch chi trả cổ tức 2022.

Ông Vũ Văn Bình thông qua các tờ trình:

- Tờ trình thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký, quản trị nội bộ;

Ông Nguyễn Văn Đàm trình bày tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu.

Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh – thành viên ban BKS, trình bày Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2022.

Ông Vũ Văn Bình : Trình bày tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

9. Báo cáo tình hình cổ đông trước khi biểu quyết nội dung cần thông qua Đại hội.

Ông Nguyễn Quốc An –trình bày báo cáo:

Tính đến thời điểm: 9h30 phút ngày 25/4/2022, tình hình cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự là 303 cổ đông.
- Tương ứng với tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự: 25.999.300 cổ phần.
- Tỷ lệ tổng số cổ phần biểu quyết: 99,997%.
- Tất cả các cổ đông đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.

10. Ông Đào Lê Khánh hướng dẫn Đại hội biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.

11. Đại hội biểu quyết. Ban kiểm phiếu thu phiếu và kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số phiếu phát ra: 29 phiếu

Tổng số phiếu thu: 29 phiếu, đại diện cho 25.999.300 cổ phần

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Không hợp lệ
1	Nội dung 1: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021;	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Không hợp lệ
	phương hướng nhiệm vụ năm 2022;				
2	Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
3	Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
4	Nội dung 4: Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
5	Nội dung 5: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021; Kế hoạch cổ tức 2022.	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
6	Nội dung 6: Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao năm 2022.	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
7	Nội dung 7: Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
8	Nội dung 8: Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2022.	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0
9	Nội dung 9: về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,	25.999.300 cổ phiếu Tỷ lệ: 100%	0	0	0

12. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

Bà Võ Thị Khánh Hòa – Thư ký Đại hội trình bày Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2022.

13. Ông Vũ Văn Bình hướng dẫn đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Kết quả: 100% số phiếu thống nhất thông qua.

14. Ông Vũ Văn Bình – Chủ tọa phát biểu bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày 25/4/2022./.

TM. TÒ THƯ KÝ



VÕ THỊ KHÁNH HÒA

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN



VŨ VĂN BÌNH



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

Thời gian tổ chức: Bắt đầu 6h45, ngày 25 tháng 4 năm 2022;

Địa điểm: Hội trường công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa,
số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang.

I. Khai mạc Đại hội:

1. Đón tiếp đại biểu, cổ đông bắt đầu từ 6h45’;
2. Đăng ký cổ đông và phát tài liệu;
3. Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự;
4. Báo cáo kết quả thăm tra tình hình cổ đông tham dự đại hội;
5. Thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội;
6. Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu;
7. Giới thiệu và thông qua chương trình Đại hội.

II. Trình bày các báo cáo và tờ trình:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đầu tư năm 2022;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021;
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021; kế hoạch cổ tức 2022.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký, quản trị nội bộ;
7. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2022;
8. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
9. Tờ trình thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

III. Thảo luận - Biểu quyết.

1. Thảo luận
2. Biểu quyết các vấn đề cần thông qua đại hội.
3. Báo cáo kết quả biểu quyết.

IV. Bế mạc Đại hội

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội;
2. Tuyên bố bế mạc Đại hội;

BAN TỔ CHỨC

Số: 07/BC-CTN

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH

Năm báo cáo: 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4200238007
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng
(Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của Nhà nước: 132.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Số điện thoại: 0258.3815372
- Số fax: 0258.3810740
- Website: ctnkh.com.vn
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa
- Mã chứng khoán: KHW

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là Công ty Cấp thoát nước Khánh Hòa, được thành lập ngày 29/10/1979 theo Quyết định số 2457/UB-TC của UBND tỉnh Phú Khánh.
- Tháng 9 năm 2010, công ty chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa.
- Ngày 02/01/2014, từ công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa chuyển sang công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, được kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa.
- Ngày 10/01/2017, công ty tiến hành lưu ký cổ phiếu, mã cổ phiếu là: KHW tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Ngày 20/2/2017, công ty tổ chức phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại sàn giao dịch UPCOM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

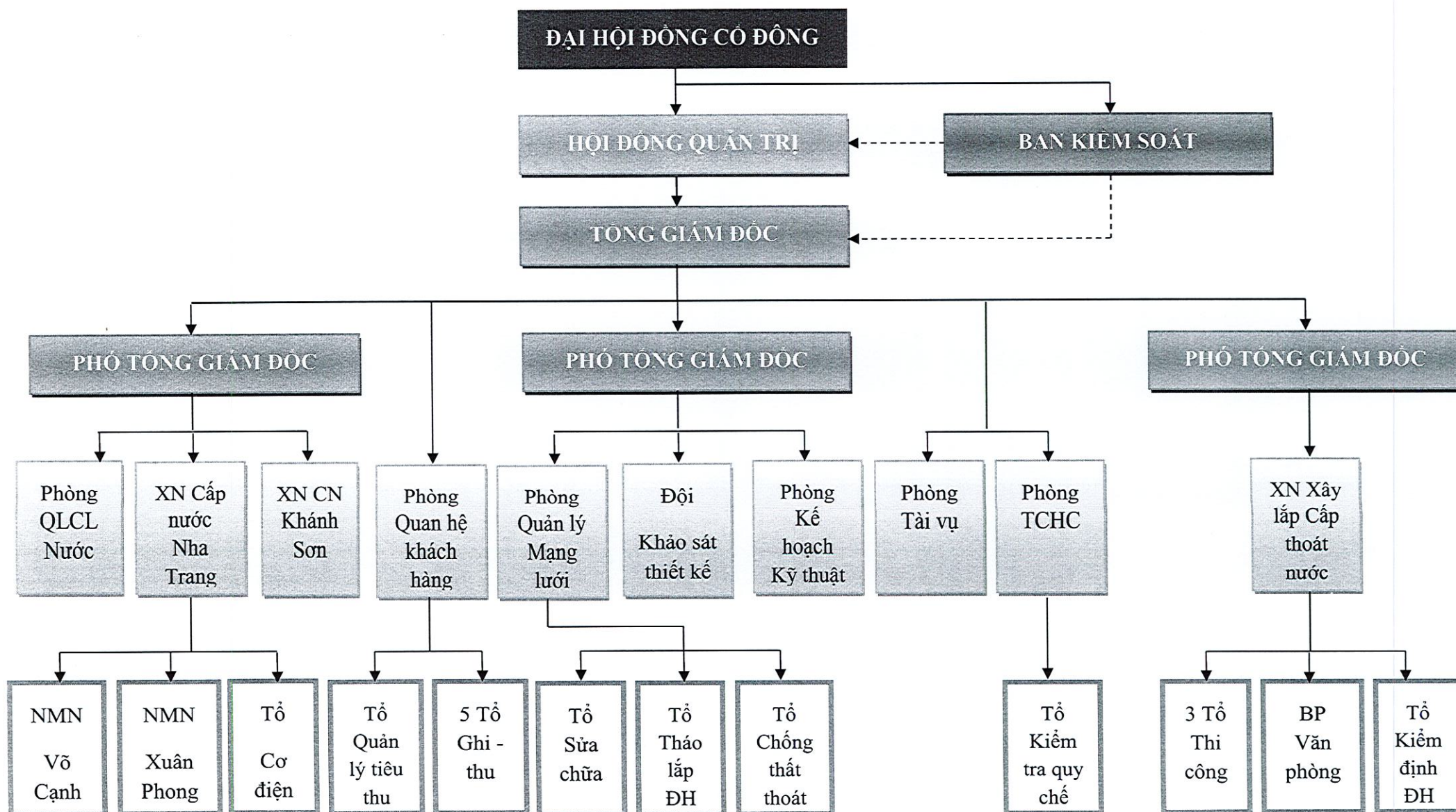
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
 - + Lập dự án đầu tư, Tư vấn, thiết kế, giám sát và thi công các công trình cấp thoát nước;
 - + Cung cấp các dịch vụ về hoạt động thoát nước và vệ sinh môi trường.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm, huyện Khánh Sơn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Tổng giám đốc;

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Các đơn vị trực thuộc.
(Sơ đồ tổ chức)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



II. Tình hình hoạt động trong năm 2021 của công ty:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Cơ cấu vốn Điều lệ, tính đến ngày 31/12/2021:

	Số tiền	Cổ phần	Tỷ lệ
Tổng vốn điều lệ:	260.000.000. 000 đồng	26.000.000 CP	100%
Nhà nước	132.600.000.000 đồng	13.260.000 CP	51%
REE	114.096.000.000 đồng	11.409.600 CP	43,88%
CBCNV	9.238.250.000 đồng	923.825 CP	3,56%
CĐ ngoài khác	4.065.750.000 đồng	406.575 CP	1,56%

2. Kết quả Sản xuất – kinh doanh năm 2021:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV	KH 2021	TH 2021	TỶ LỆ
I	Giá trị tổng sản lượng	1.000 đồng	414.653.000	349.184.983	84,21%
1	Doanh thu nước máy	-	334.000.000	270.365.112	80,95%
2	Giá trị xây lắp	-	77.000.000	73.108.164	94,94%
	Vốn công ty đầu tư:		52.000.000	36.219.463	69,56%
	Doanh thu xây lắp		25.000.000	36.888.701	147,55%
3	Giá trị KSTK	-	3.653.000	3.313.919	90,72%
II	Sản phẩm chủ yếu				
1	Nước sản xuất	m ³	53.333.000	47.866.791	89,75%
1.1	NMN Võ Cạnh	-	42.093.000	36.268.340	86,16%
1.2	NMN Xuân Phong	-	5.120.619	4.582.980	89,51%
1.3	NMN Suối Dầu	-	6.120.000	6.642.000	108,5%
1.4	NMN Khánh Sơn	-		373.471	
2	Nước tiêu thụ	-	45.333.576	39.921.622	88,06%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15	16,47	
4	Tồn thu	1.000 đồng	1,5 DT tháng	1.049.101	
5	KH phát triển	Hộ	6.600	3.959	60%
III	CHI TRẢ CỔ TỨC	%	10,2	10	98%
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.000 đồng	42.800.000	36.955.106	86%
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-	38.500.000	32.698.258	83%
VI	NỘP NGÂN SÁCH	-	18.800.000	17.893.234	95%
1	Thuế thu nhập doanh	-	5.000.000	5.507.485	110%

	nghiệp				
2	Thuế GTGT	-	8.000.000	8.179.956	102%
3	Thuế Tài nguyên	-	1.700.000	1.658.985	98%
4	Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.000.000	1.435.397	48%
5	Phí khai thác tài nguyên nước	-	1.100.000	1.111.411	101%
VI	CÁC KHOẢN NỢ KHÁC				
1	Cổ tức trên vốn chủ sở hữu	-	12.800.000	15.633.540	122%
2	Trả nợ ngân sách	-			

Những khó khăn trong quá trình sản xuất – kinh doanh:

Năm 2021 là năm công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh, do ảnh hưởng của dịch covid-19. Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ giảm mạnh. Khách hàng nợ tiền nước gia tăng. Sự cố rò rỉ, thất thoát cũng gia tăng.

a. Doanh thu tiền nước năm 2021 đạt tỷ lệ 80,95% so với kế hoạch. Tồn thu lũy kế đến 31/12/2021 là : 1.049.101.000 đồng, tỷ lệ chiếm: 0,38% Doanh thu.

b. Tổng số tiền nước giảm do tác động của dịch COVID-19 trong năm 2021 là: **5.067.625.131đ (1+2) Cụ thể:**

+ Số tiền giảm theo Công văn số 7614/UBND-KT ngày 10/8/2021 về việc chính sách hỗ trợ sử dụng nước sạch sinh hoạt do tác động của dịch Covid-19 là: **2.427.663.231 đồng (1).**

+ Số tiền giảm theo công văn số 10096/UBND-KT ngày 08/10/2021 về việc chính sách hỗ trợ sử dụng nước sạch sinh hoạt trong tháng 9/2021 do tác động của dịch Covid-19, đối với khách hàng sử dụng nước sạch mục đích sinh hoạt của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là: **2.639.961.900 đồng (2).**

3. Tổ chức và nhân sự:

Cơ cấu tổ chức.

- 06 phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài vụ, Phòng Kế hoạch kỹ thuật, Phòng Quản lý mạng lưới, Phòng Quan hệ khách hàng, Phòng Quản lý chất lượng nước;

- 01 Đội: Khảo sát thiết kế;

- 03 Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Cấp nước Nha Trang;
- + Xí nghiệp Xây lắp cấp thoát nước;
- + Xí nghiệp Cấp nước Khánh Sơn.

Tình hình nhân sự năm 2021:

- Tổng số cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2021 là 325 người.
- Tổng số cán bộ, nhân viên bình quân năm 2021 là 327 người. Trong đó:
 - + Người quản lý (Ban Tổng Giám đốc + kế toán trưởng): 05 người;
 - + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 102 người;
 - + Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 220 người;
- Số lao động tuyển mới trong năm 2021: 06 người. Trong đó:
 - + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 01 người;
 - + Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 05 người;
- Số lao động thôi việc, nghỉ việc trong năm 2021: 06 người. Trong đó:
 - + Người quản lý (Phó Tổng Giám đốc Phạm Cao Minh Dũng nghỉ hưu từ 01/9/2021): 01 người;
 - + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 01 người;
 - + Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 04 người;

4. Tình hình tài chính:

Kết quả về hoạt động tài chính của công ty năm 2021 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021
1	Vốn điều lệ	260.000.000.000	260.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	326.267.223.743	326.267.223.743
3	Tổng tài sản:	538.209.455.207	517.106.765.043
	<i>Tài sản ngắn hạn:</i>	169.505.129.267	149.202.037.956
	- Tiền và các khoản tương đương tiền:	22.248.371.303	13.946.077.234
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	64.000.000.000	56.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn:	37.983.661.094	44.911.760.187
	- Hàng tồn kho:	43.848.994.453	32.929.967.850
	- Tài sản ngắn hạn khác:	1.424.102.417	1.414.332.685
	<i>Tài sản dài hạn:</i>	368.704.325.940	367.904.627.087
	- Tài sản cố định:	324.362.878.950	306.922.110.690
	- Tài sản dở dang dài hạn:	19.971.447.913	36.208.182.617
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	23.727.804.251	24.000.000.000
	- Tài sản dài hạn khác:	642.194.826	774.333.780
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	352.347.466.237	309.672.703.109
5	Các khoản giảm trừ doanh thu:	79.350.245	12.479.091
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	352.268.115.992	309.660.224.018

7	Giá vốn hàng bán:	306.097.994.295	264.765.641.205
8	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	46.170.121.697	44.894.582.813
9	Doanh thu hoạt động tài chính:	4.493.605.323	3.156.171.509
10	Chi phí tài chính:	1.222.201.555	2.621.029.624
	Trong đó chi phí lãi vay:	2.699.401.555	2.893.225.373
11	Chi phí bán hàng:	622.838.176	600.000.000
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp:	9.066.663.237	7.804.211.528
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	39.752.024.052	37.025.513.170
14	Thu nhập khác:	7.681.822.022	3.557.249.383
15	Chi phí khác:	4.860.491.434	3.627.655.970
16	Lợi nhuận khác:	2.821.330.588	(70.406.587)
17	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	42.573.354.640	36.955.106.583
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	4.996.021.803	4.256.848.240
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	37.577.332.837	32.698.258.343
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.177	1.258

III.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2021 của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; Các chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho công ty thực hiện, trong năm 2021;Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID kéo dài, công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất, kinh doanh. Kết quả đã được thể hiện qua các bảng số liệu.
- Về công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất của công ty vẫn ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT.
- Công ty vẫn duy trì tiếp quản nguồn nước từ nhà máy nước Suối Dầu hiệu quả;
- Mở rộng phạm vi cấp nước cho huyện Cam Lâm, huyện Khánh Sơn.
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước thành phố Nha Trang.
- Tình hình quản lý tài chính của công ty ổn định, lành mạnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ được giao, trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao theo đúng Điều lệ và những quy định của Pháp luật. Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty. Công tác quản trị tốt, không vi phạm các quy định về thực hiện công bố thông tin và tính minh bạch, công khai theo đúng quy định.
- Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, cho cổ đông công ty.

IV.Kế hoạch hoạt động, phát triển trong năm 2022:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chính:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2022
I	Giá trị tổng sản lượng	1.000 đồng	340.350.000
1	Doanh thu nước máy	-	273.000.000
2	Giá trị xây lắp	-	64.000.000
	Vốn công ty đầu tư:		44.000.000
	Doanh thu xây lắp		20.000.000
3	Giá trị KSTK	-	3.350.000
II	Sản phẩm chủ yếu		
1	Nước sản xuất	m ³	48.303.471
1.1	NMN Võ Cạnh	-	36.650.000
1.2	NMN Xuân Phong	-	4.630.000
1.3	NMN Suối Dầu	-	6.650.000
1.4	NMN Khánh Sơn	-	373.471
2	Nước tiêu thụ	-	41.063.500
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15
4	Tồn thu	1.000 đồng	< 1.000.000
5	KH phát triển	Hộ	5.000
III	CHI TRẢ CỔ TỨC	%	10,3
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.000 đồng	37.694.000
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-	33.352.000
VI	NỘP NGÂN SÁCH	-	18.362.000
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.700.000
2	Thuế GTGT	-	8.251.000
3	Thuế Tài nguyên	-	1.800.000
4	Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.500.000
5	Phí khai thác tài nguyên nước	-	1.111.000
VII	CÁC KHOẢN NỘP KHÁC		
1	Cổ tức trên vốn chủ sở hữu	-	13.260.000
2	Trả nợ ngân sách	-	8.145.000

2. Công tác sản xuất nước sạch:

- Khai thác, xử lý và quản lý tốt sản phẩm nước sạch từ đầu nguồn đến điểm phân phối; Đảm bảo số lượng nước cung cấp và chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1: 2018/BYT – Bộ Y tế;

- Triển khai thực hiện sản xuất đáp ứng những yêu cầu trong thời kỳ bình thường mới sau đại dịch. Công tác chuẩn bị an toàn về hóa chất, điện, máy phát, nhiên liệu...

- Nhà máy Võ Cạnh:

+ Đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định, định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị; Bảo quản hóa chất; giữ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây cảnh.

+ Tiếp tục triển khai các hạng mục cải tạo nâng công suất tối đa cho nhà máy.

- Nhà máy Xuân Phong:

+ Đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định. Bảo quản hóa chất; giữ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây cảnh.

+ Bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hệ thống điện nhằm sản xuất an toàn, hiệu quả.

+ Quản lý, bảo dưỡng đập ngăn mặn tạm.

- Nhà máy Suối Dầu : Tham gia quản lý, giám sát quá trình sản xuất, giám sát chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y Tế.

- Nhà máy Khánh Sơn: Cải tạo hệ thống mạng, giám sát chất lượng nước đạt tiêu chuẩn; phát triển khách hàng.

3. Công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng, doanh thu tiền nước:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Duy trì và hạ thấp mức tồn thu.
- Tăng cường quản lý công tác ghi chỉ số đồng hồ.
- Nghiên cứu phương án Ghi và Thu cùng lúc.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cập nhật thông tin khách hàng, sử dụng tổng đài zalo.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Thực hiện các công trình ống nhánh, công trình cải tạo, công trình đầu tư mạng lưới cấp nước theo danh mục kế hoạch đầu tư năm 2022. Gồm:
 - Các công trình ống nhánh;
 - Các công trình cải tạo: gồm:
 - + 28 hạng mục công trình chưa thực hiện trong năm 2021 (Mang sang).
 - + 50 hạng mục công trình cải tạo , thiết kế trong năm 2022.
- Công trình đầu tư mới khu vực huyện Cam Lâm.
- Các hạng mục cải tạo nhà máy, trạm bơm và duy tu, sửa chữa đập ngăn mặn.
- Thực hiện Hợp đồng duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước phía Nam thành phố Nha Trang.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động năm 2022 của công ty.

Thay mặt Ban điều hành công ty, Tôi xin báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đàm

C.T.C.P.
KH. H.

Số: 08/ BC-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2021**

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
- Địa chỉ trụ sở chính: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang.
- Điện thoại: 0258.3822315; Fax: 0258.3810740; Website:
www.ctnkh.com.vn
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: KHW
- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng quản trị; Ban tổng giám đốc; Các xí nghiệp, phòng, Đội; Tổ chuyên môn.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên

Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 vào ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại hội trường công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, để báo cáo tình hình sản xuất – kinh doanh; hoạt động của Hội đồng quản trị; hoạt động của Ban kiểm soát và các tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc quyền biểu quyết của Đại hội.

- Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự là 301 cổ đông.
- Tương ứng với tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự: 25.971.675 cổ phần.
- Tỷ lệ tổng số cổ phần biểu quyết: 99,89%.
- Tất cả các cổ đông đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.

2. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	11/NQ-ĐHĐCĐ	16/4/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Quyết nghị về các nội dung cần được thực hiện trong năm 2021.

II. Hội đồng quản trị :

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) dự họp HĐQT công ty năm 2021:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp của thành viên HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Ngày bắt đầu không còn là TV. HĐQT
1	Vũ Văn Bình	Chủ tịch	4	100%	
2	Nguyễn Văn Đàm	Thành viên	4	100%	
3	Nguyễn Văn Quân	Thành viên	4	100%	
4	Lục Chánh Trường	Thành viên	2	100%	16/4/2021
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	4	100%	
6	Trương Khắc Hoàn	Thành viên mới bầu	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc:

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ được giao; Căn cứ vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đã ban hành và giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc công ty triển khai, thực hiện trong năm 2021;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh, thi công xây lắp năm 2021.

Hội đồng quản trị đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương, kế hoạch và Nghị quyết HĐQT của Ban tổng giám trong năm 2021 như sau:

- Về hoạt động sản xuất – kinh doanh:

Năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid 19, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

+ Giá trị tổng sản lượng: đạt 84,21% so với kế hoạch.

Trong đó:

+ Doanh thu sản xuất nước sạch: đạt tỷ lệ 80,95% kế hoạch.

+ Giá trị xây lắp: đạt 94,94% kế hoạch.

+ Giá trị Khảo sát thiết kế: đạt 90,72% kế hoạch.

Hiện tại, hoạt động du lịch dịch vụ của thành phố vẫn đang trong tình trạng bị ngưng trệ do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Về quản lý tài chính của công ty:

Tình hình tài chính trong năm 2021 của công ty ổn định và minh bạch.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán hoàn thành đúng thời hạn. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công bố thông tin trên website công ty : ctnkh.com.vn.

- Về công tác quản trị nội bộ công ty:

+ Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của người lao động.

+ Công ty đã thực hiện công bố thông tin, đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định của pháp luật. Đảm bảo trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông đúng thời hạn; không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông của công ty.

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	19/01/2021	Nghị quyết HĐQT quý IV năm 2020
2	05/QĐ-HĐQT	20/2/2021	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; chốt ngày đăng ký cuối cùng và ngày Đại hội.
3	07/NQ-HĐQT	12/3/2021	Nghị quyết HĐQT Quý I năm 2021
4	12/NQ-HĐQT	22/5/2021	Nghị quyết HĐQT về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2020.
5	13/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết HĐQT Quý II năm 2021
6	14/NQ-HĐQT	09/11/2021	Nghị quyết HĐQT Quý III năm 2021

III. Ban kiểm soát :

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) dự họp năm 2021:

ST T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Long	Trưởng ban		4	100%	
2	Nguyễn Thùy Ninh	Thành viên		4	100%	
3	Lê Văn Diễn	Thành viên	16/4/2021	1	100%	
4	Quách Vĩnh Bình	Thành viên		3	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

- Kiểm tra giám sát về việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, thi công các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động về tài chính của công ty;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra việc chi trả cổ tức cho cổ đông; các khiếu kiện của cổ đông.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý luôn tôn trọng và tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ công ty; các nguyên tắc trong Quy chế phối hợp hoạt động; hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Hoạt động khác của ban kiểm soát: Không có.

IV. Ban Điều hành công ty

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm,
1	Vũ Văn Bình	04/5/1967	Kỹ sư Cấp thoát nước	01/6/2019
2	Phạm Cao Minh Dũng	10/5/1961	Kỹ sư Xây dựng	20/01/2019
3	Nguyễn Văn Đàm	12/8/1967	Kỹ sư Cấp thoát nước	20/4/2019
4	Nguyễn Hồng Sơn	10/8/1964	Kỹ sư Cấp thoát nước	01/6/2019

Ngày 01/9/2021, Ông Phạm Cao Minh Dũng – Phó tổng giám đốc công ty đã nghỉ hưu.

Ngày 22/12/2021 có quyết định bổ nhiệm bà Võ Thị Khánh Hòa chức danh Phó tổng giám đốc. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Quân	22/4/1972	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	24/4/2019

V. Đào tạo về quản trị công ty:

- Thời gian qua, tình hình dịch bệnh kéo dài, công ty triển khai việc tự đào tạo nội bộ để các thành viên Ban quản trị, ban kiểm soát cập nhật những thông tin mới về các văn bản mới: Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ban hành ngày 16/11/2020, của Bộ Tài chính, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tư này thay thế Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

VI. Danh sách về người có liên quan và giao dịch của người có liên quan của công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Công bố tại Website công ty, địa chỉ: ctnkh.com.vn. Có phụ lục đính kèm danh sách theo báo cáo.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có giao dịch.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có giao dịch.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có giao dịch.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có giao dịch.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có giao dịch

VII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ : Không có giao dịch.

VIII. Các vấn đề khác:

1. Công ty có sự thay đổi nhân sự của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát, Ban Điều hành:

- Về Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Lục Chánh Trường có đơn xin từ nhiệm. Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung ông Trương Khắc Hoàn, có trình độ: Thạc sĩ, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, hiện là Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch REE - làm thành viên Hội đồng quản trị, kể từ ngày 16/4/2021 cho đến hết nhiệm kỳ

- Về nhân sự Ban kiểm soát:

Ông Lê Văn Diễn có đơn xin từ nhiệm. Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung ông Quách Vĩnh Bình có trình độ: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành: Tài chính tín dụng, hiện là Trưởng ban kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE - làm thành viên Ban kiểm soát, kể từ ngày 16/4/2021 cho đến hết nhiệm kỳ.

- Về nhân sự Ban Điều hành:

Ngày 01/9/2021, Ông Phạm Cao Minh Dũng – Phó tổng giám đốc công ty đã nghỉ hưu.

Ngày 22/12/2021 có quyết định bổ nhiệm bà Võ Thị Khánh Hòa có trình độ : Kỹ sư giữ chức danh Phó tổng giám đốc. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

2. Công ty đã chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông đầy đủ, đúng thời hạn. Ngày chi trả 30/6/2021.
3. Trong năm 2021, công ty không có trường hợp cổ đông khiếu kiện, khiếu nại các vấn đề liên quan đến các vấn đề về cổ đông. Công tác công bố thông tin thực hiện theo đúng quy định hiện hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Bình



Số: 03/BC-BKS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa ban hành ngày 16/04/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung chính như sau:

I. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa:

1. Cơ cấu vốn tính đến thời điểm 31/12/2021

DVT: tỷ đồng

STT	Tên tổ chức và cá nhân	Số vốn góp	Tỷ lệ
1	Vốn Nhà nước (UBND tỉnh Khánh Hòa)	132,600	51,00%
2	Công ty TNHH nước sạch REE	114,096	43,88%
3	Các cổ đông khác	13,304	5,12%
	TỔNG CỘNG	260,0	100%

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 16/04/2021, Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam. Công ty kiểm toán đã có ý kiến đánh giá: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán,

chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong năm 2021, Ban điều hành Công ty đã có sự thay đổi chính sách kế toán về thời gian khấu hao của một số tài sản cố định nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của các tài sản liên quan. Việc thay đổi này phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo tài chính năm 2021 đã thể hiện rõ tình hình kế toán tài chính của Công ty và các Công ty liên quan. Số liệu kế toán đã được ghi nhận và kiểm tra, đảm bảo tính trung thực, chính xác và hợp pháp. Tình hình tài chính Công ty đến ngày 31/12/2021 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm
I. Tổng tài sản	538,2	517,1	(21,1)
1. Tài sản ngắn hạn	169,5	149,2	(20,3)
2. Tài sản dài hạn	368,7	367,9	(0,8)
II. Tổng nguồn vốn	538,2	517,1	(21,1)
1. Nợ phải trả	211,9	195,8	(16,1)
2. Vốn chủ sở hữu	326,3	321,3	(5,0)

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn đều giảm 21,1 tỷ đồng so với năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 20,3 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 0,8 tỷ đồng; Nợ phải trả giảm 16,1 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu giảm 5 tỷ đồng so với năm trước.

Tài sản ngắn hạn giảm do hàng tồn kho giảm mạnh, các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm.

Nợ phải trả giảm do khoản vay và nợ thuê tài chính giảm mạnh.

3. Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Năm 2021, cả thế giới chứng kiến sự tàn phá nặng nề của đại dịch Covid – 19, các doanh nghiệp vừa sản xuất vừa chống dịch, vừa phải thích ứng với diễn biến phức tạp từng ngày của đại dịch, nhiều ngành nghề phải ngừng hoạt động sản xuất,

đặc biệt các doanh nghiệp ngành du lịch trên địa bàn thành phố Nha Trang, đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của công ty. Công ty nhanh chóng thích ứng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều quyết sách trong quá trình chỉ đạo điều hành, khắc phục mọi khó khăn, giảm thiểu thiệt hại thấp nhất có thể. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, các chỉ tiêu về sản lượng nước, doanh thu nước... đều giảm.

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	Tăng/Giảm
Sản lượng nước SX	Tr m ³	53,2	47,8	(5,4)
Sản lượng nước TT	Tr m ³	44,8	39,9	(4,9)
Tổng doanh thu	tỷ đồng	364,5	316,3	(48,2)
Tổng chi phí	tỷ đồng	322,0	279,4	(42,6)
Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	42,5	36,9	(5,6)
Thuế TNDN	tỷ đồng	5,0	4,2	(0,8)
Tổng lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	37,5	32,7	(4,8)

Trong thời gian dịch bệnh căng thẳng, tỉnh Khánh Hòa thực hiện giãn cách xã hội tháng 8 và 9/2021, hệ thống nhà hàng khách sạn đóng cửa không hoạt động, do đó nhu cầu sử dụng nước giảm mạnh, doanh thu tiêu thụ nước giảm. Cùng với đó, thực hiện công văn số 7614/UBND-KT ngày 10/8/2021 và công văn số 10096/UBND-KT ngày 08/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa “V/v chính sách hỗ trợ sử dụng nước sạch sinh hoạt trong tháng 9/2021 do tác động của dịch Covid-19 đối với khách hàng sử dụng nước sạch mục đích sinh hoạt” nên doanh thu của Công ty giảm 5,067 tỷ đồng. Năm 2021, tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sụt giảm 48,2 tỷ đồng so với năm 2020; trong đó đặc biệt doanh thu tiền nước giảm đến 59,58 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 4,8 tỷ đồng.

4. Về lực lượng lao động, tiền lương 2021:

- Tính đến ngày 31/12/2021 lao động toàn công ty là 325 người. Lực lượng lao động công ty không biến động nhiều. Đại dịch đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh giảm nhưng Công ty vẫn duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm cho người lao động. Thu nhập của người lao động giảm nhưng vẫn ổn định cuộc sống.

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể, việc chi trả lương hàng tháng đúng hạn.

5. Về hoạt động đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ:

- Công ty duy trì góp vốn đầu tư 24 tỷ đồng vào Công ty CP Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm 2021, nhà máy đã cung cấp nước sạch hòa vào mạng lưới cấp nước của Công ty đạt 6,6 triệu m³.

- Trong năm 2021, Công ty đã thi công lắp đặt nhiều công trình cấp nước mới và các công trình cải tạo: 83 công trình tương ứng 73 tỷ đồng. Trong đó, một số dự án và công trình lớn như: Cải tạo Nhà máy nước Võ Cạnh; Cải tạo thay mới tuyến ống DN300,100,50 đường Phạm Văn Đồng (cầu Hòn Một – cầu vượt Nguyễn Đình Chiểu); Cải tạo, thay mới tuyến ống DN300,100,50 đường Nguyễn Trãi; Cải tạo tuyến ống DN400,100 đường Lương Định Của; Cải tạo tuyến ống DN400 đường Trung tâm xã (từ Trường Lương Thế Vinh -> đường Lương Định Của);

- Cùng với việc phát triển mạng lưới, trong năm 2021 Công ty đã lắp đặt mới cho 3.959 khách hàng.

II. Kết quả giám sát về công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, linh hoạt, đúng Pháp luật, đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

III. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:

- Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng cơ bản, công trình cấp thoát nước, kết quả hoạt động của Ban điều hành Công ty theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Giám sát Đại hội cổ đông thường niên, thời gian chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong công tác kế toán: Thông qua Báo cáo soát xét bán niên và Báo cáo tài chính năm 2021 bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFAS Việt Nam.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã được mời và tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát đã đánh giá hoạt động kế toán tài chính, kết

quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Kết quả Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ một cách nỗ lực, trung thực và cẩn trọng để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Ban kiểm soát họp 02 lần/năm nhằm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, đánh giá kết quả giám sát và rút kinh nghiệm để công việc ngày càng hiệu quả hơn. Kết quả trong năm qua: Thích ứng với diễn biến phức tạp của đại dịch, các thành viên luôn cố gắng trao đổi công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện với sự thông qua “Báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021” của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/04/2021.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

1. Quan hệ phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát được mời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, được nắm bắt các chủ trương, hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, giám sát nội dung của các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành. Ban Kiểm soát nhận thấy các nội dung cần triển khai theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ, tuân thủ đúng quy định.

2. Quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm soát với cổ đông

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông bằng văn bản về hoạt động kinh doanh của công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Chúng tôi đánh giá: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa năm 2021 không hoàn thành kế hoạch do tác động của dịch COVID -19 là yếu tố khách quan bất khả kháng, Công ty vẫn giữ trạng thái ổn định, sẵn sàng tăng sản lượng phục vụ sản xuất, du lịch khi nền kinh tế phục hồi, hoạt động trở lại.

V. Kết luận và kiến nghị

- Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã làm việc nghiêm túc, tập trung, cẩn trọng và nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành, nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021.

- Công tác quản lý tài chính minh bạch, rõ ràng, ghi nhận và phản ánh trung thực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, duy trì công tác đầu tư phát triển mạng lưới. Công tác giảm thất thoát, chống thất thu là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài được Ban Giám đốc quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, liên tục.

Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty quan tâm một số vấn đề sau:

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận, tìm thêm nguồn vốn từ các hình thức hợp tác đầu tư cho các dự án cung cấp nước cho khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Cải tạo mạng lưới đã xuống cấp nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Cải tạo nâng công suất các nhà máy để đủ năng lực cung cấp nước an toàn và ổn định cho mạng lưới.

- Có kế hoạch và trình các Sở Ban ngành, UBND Tỉnh Khánh Hoà về việc điều chỉnh giá nước vào thời gian phù hợp để có giá nước sạch thực hiện trong năm 2022.

- Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa trong năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Long

Số: 09 /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa,

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Báo cáo Tài chính năm 2021 của công ty đã được công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam kiểm toán, theo đúng các quy định hiện hành, với các nội dung chính sau:

Kết quả về hoạt động tài chính của công ty đã được kiểm toán:

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021
1	Vốn điều lệ	260.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	326.267.223.743
3	Tổng tài sản:	517.106.765.043
	<i>Tài sản ngắn hạn:</i>	149.202.037.956
	- Tiền và các khoản tương đương tiền:	13.946.077.234
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	56.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn:	44.911.760.187
	- Hàng tồn kho:	32.929.967.850
	- Tài sản ngắn hạn khác:	1.414.332.685
	<i>Tài sản dài hạn:</i>	367.904.627.087
	- Tài sản cố định:	306.922.110.690
	- Tài sản dở dang dài hạn:	36.208.182.617
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	24.000.000.000
	- Tài sản dài hạn khác:	774.333.780
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	309.672.703.109
5	Các khoản giảm trừ doanh thu:	12.479.091
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	309.660.224.018
7	Giá vốn hàng bán:	264.765.641.205
8	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	44.894.582.813

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021
9	Doanh thu hoạt động tài chính:	3.156.171.509
10	Chi phí tài chính:	2.621.029.624
	Trong đó chi phí lãi vay:	2.893.225.373
11	Chi phí bán hàng:	600.000.000
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp:	7.804.211.528
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	37.025.513.170
14	Thu nhập khác:	3.557.249.383
15	Chi phí khác:	3.627.655.970
16	Lợi nhuận khác:	(70.406.587)
17	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	36.955.106.583
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	4.256.848.240
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	32.698.258.343
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.258

Người đại diện theo pháp luật kiêm Tổng giám đốc công ty là ông Nguyễn Văn Đàm, đã ký phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021. Nội dung và các số liệu trong báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Bình

Số: 10 /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
Chi trả cổ tức năm 2021, Kế hoạch cổ tức năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về việc Quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022 của công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa như sau:

1. Vốn điều lệ công ty: (A)	= 260.000.000.000 đồng
2. Lợi nhuận sau thuế: (B)	= 32.698.258.343 đồng
- Chia cổ tức cho cổ đông: $10 \% \times A$	= 26.000.000.000 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển: $3,38\% \times B$	= 1.105.591.343 đồng
- Trích quỹ khen thưởng: $12,54\% \times B$	= 4.100.000.000 đồng
- Trích quỹ phúc lợi: $3,98\% \times B$	= 1.300.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS, BĐH $0,59\% \times B$	= 192.667.000 đồng

2. Trên cơ sở phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2021 là 10 % vốn Điều lệ.

3. Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư năm 2022, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2022, dự kiến là 10,3% vốn Điều lệ.

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Bình

Số: 11 /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021,
kế hoạch chi trả thù lao năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Thực hiện Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động – Thương binh – Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022 của công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chi phí trả thù lao như sau:

Thù lao kế hoạch năm 2021:	672.000.000 đồng.
Thù lao thực hiện năm 2021:	578.000.000 đồng.
Dự kiến quỹ thù lao năm 2022:	672.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.



TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa ngày 26/12/2013, sửa đổi bổ sung ngày 16/04/2021;
Căn cứ thư chào giá của các công ty kiểm toán;
Ban Kiểm soát công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông 03 đơn vị kiểm toán đã gửi hồ sơ năng lực và thư chào giá như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở	Giá chào hàng (Đã gồm thuế VAT)
1	Công ty TNHH Kiểm toán- Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	142 Xô Viết Nghệ Tĩnh – P.Hòa Cường Nam – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng	60.000.000 đ
2	CN Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng	63/5Trần Quốc Toản – P.Phước Ninh – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng	66.000.000 đ
3	Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học TPHCM	389A Điện Biên Phủ - Phường 4 – Quận 3 TP.Hồ Chí Minh	71.000.000 đ

Sau khi đánh giá hồ sơ năng lực và thư chào giá của 03 đơn vị trên, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn **Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam** là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, lựa chọn và thông qua./.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Long

Số: 12 /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ công ty
Sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty
Sửa đổi quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Thực hiện Nghị quyết số 03/ NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 của Hội đồng quản trị, trình Đại hội đồng cổ đông công ty sửa đổi một số nội dung của Điều lệ.

(Nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty, sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được đính kèm theo phụ lục.)

Hội đồng quản trị xin thông qua Đại hội đồng cổ đông ra quyết định để thực hiện.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Bình

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

**TỔNG HỢP NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2021,
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 2021
VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tổng hợp những điểm sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ công ty 2021, Quy chế Quản trị nội bộ 2021, Quy chế hoạt động của HĐQT 2021 đề trình chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến và trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp; trong đó, có các điểm sửa đổi, bổ sung như sau:

A. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2021

1. Phần mở đầu

Bổ sung ngày thông qua Điều lệ gần nhất là *ngày 25/4/2022* (dự kiến).

2. Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Sửa đổi khoản 1

1. Vốn điều lệ của Công ty *theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành.*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành *các* cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

(theo ý kiến của thành viên HĐQT thông qua phương án tăng vốn điều lệ được trình tại cuộc họp HĐQT)

3. Điều 62. Ngày hiệu lực (Điều 62)

Sửa đổi khoản 1.

1. Bản điều lệ này gồm 20 mục, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa nhất trí thông qua ngày **25 tháng 4 năm 2022** tại Thành phố Nha Trang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

B. SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 2021

1. Bổ sung căn cứ

Căn cứ Luật 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

2. Điều 13. Cuộc họp của HĐQT

Sửa đổi, bổ sung khoản 2

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản ký tên vào biên bản cuộc họp; trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản** họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

(theo Nội dung Luật 03/2022/QH15 điều 7 Khoản 6)

C. SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT 2021

1. Bổ sung căn cứ

Căn cứ Luật 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

2. Điều 15. Biên bản họp HĐQT

Sửa đổi, bổ sung khoản 2

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản** họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

(theo Nội dung Luật 03/2022/QH15 điều 7 Khoản 6).

3. Điều 22. Hiệu lực thi hành

Sửa đổi ngày có hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 25 tháng 4 năm 2022**.

Số: 13/TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu
để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16/4/2021;

Thực hiện Nghị quyết số 03/ NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 của Hội đồng quản trị, trình Đại hội đồng cổ đông công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

I. Phương án phát hành:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa
2. Mã chứng khoán : KHW
3. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện tại : 260.000.000.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 26.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 26.000.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 2.600.000 cổ phiếu
 8. Giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 26.000.000.000 đồng

9. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền được nhận cổ phiếu mới. Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

10. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%

11. Tỷ lệ thực quyền: 10:1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận cổ phiếu mới, cứ 10 quyền sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm.

12. Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển. Giá trị Quỹ đầu tư phát triển được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

13. Thời gian thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, dự kiến năm 2022.

14. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 109 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:1, cổ đông A được nhận $(109/10 \times 1 = 10,9)$ 10 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 10 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,9 cổ phiếu sẽ được hủy bỏ.

15. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và thay đổi đăng ký giao dịch số cổ phiếu phát hành thêm với Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

16. Thông qua việc thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa sau khi có công văn UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành.

II. Thông qua việc ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên.
- Chủ động xây dựng phương án phát hành đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục, công việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và thay đổi đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có Công văn phản hồi về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành từ UBCKNN.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được thành công.

Trên đây là Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 4 năm 2022)

Nha Trang, ngày 25 tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
Điều 11. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 18. Thay đổi các quyền	17
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....	19
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 33. Người điều hành Công ty	32
Điều 34. Người đại diện theo pháp luật	33
Điều 35. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty.....	33
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	34
IX. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	35
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	35
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	37
Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát ..	38
Điều 44. Trách nhiệm của kiểm soát viên.....	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng	39
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
Điều 49. Phân phối lợi nhuận.....	41
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 51. Năm tài chính	42
Điều 52. Chế độ kế toán.....	42
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
Điều 54. Báo cáo thường niên	43
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 55. Kiểm toán.....	43
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	44
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp	44
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	44
Điều 57. Giải thể công ty	44
Điều 58. Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 59. Thanh lý	44
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 61. Điều lệ công ty	46
XX. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 62. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26/12/2013; ngày 11/4/2015; ngày 26/5/2016; ngày 21/4/2018; ngày 20/4/2019, ngày 16/4/2021 và ngày 25/4/2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, và Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, và Kế toán trưởng;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

KHANH HOA WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: **KHAWASSCO**

- Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0258) 3815372.

- Fax: (0258) 3810740

- E-mail: support@ctnkh.com.vn.

- Website: www.ctnkh.com.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104
3	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá sạch.	3530
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp thoát nước, Tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp – thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp – thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.	7110

5	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
6	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7	Xây dựng công trình thủy	4291
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
9	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.	4322
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
12	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
14	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: +Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm + Kiểm định đồng hồ điện tử +Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường nước.	7120.
15	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn	5510
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng.	6810
17	Đại lý du lịch.	7911
18	Điều hành tua du lịch.	7912
19	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
20	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.	5610
21	Thu gom rác thải không độc hại.	3811
22	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	3821

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh

giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề

liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị

phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông. Trường hợp cổ đông sở hữu ít hơn 05% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh tại cuộc họp gần nhất.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 15% đến 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,

i) Thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng và nhiệm kỳ của người phụ trách công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng.

2. Tổng giám đốc được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Người đại diện theo pháp luật

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;

b) Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần, trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật.

Điều 35. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty.

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

đ) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp. Mức trích và sử dụng quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị

trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm của kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng bằng hoặc lớn hơn 20% kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông

đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Trích lập các quỹ và phương án phân phối lợi nhuận do Hội đồng quản trị đề xuất, Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự

chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh

lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm **20 mục, 62 điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Thành phố Nha Trang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b) 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c) 04 bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

(Sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 4 năm 2022)

Nha Trang, ngày 25 tháng 4 năm 2022

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2022

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về:

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc
- Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo điều 16 Điều lệ công ty.

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Việc triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng theo quy định tại điều 19 Điều lệ công ty.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

Điều 4. Điều kiện tiến hành; cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông được áp dụng theo Điều 20 Điều lệ công ty.

2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Giấy tờ pháp lý;
- b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, sổ phiếu biểu quyết và/hoặc Phiếu bầu cử của cổ đông đó, trong đó:

- a) “Thẻ biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;
- b) “Phiếu biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;

c) “Phiếu bầu cử” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo công ty.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội:

- a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

- a) Phương thức biểu quyết “Thẻ biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát 01 phiếu biểu quyết trong đó có 03 ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.
- b) Phương thức bầu “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- c) Phương thức giơ “Phiếu biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

4. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

- a) Về hình thức: Thẻ hoặc Phiếu hợp lệ là Thẻ hoặc Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa.
- b) Về nội dung:
 - Thẻ biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết.
 - Phiếu bầu cử:
 - + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng viên;

+ Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 6. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều 22 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Điều 7. Nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điều 24 Điều lệ công ty công ty.

2. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở GDCK.

Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 25 Điều lệ công ty công ty.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng Tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Vai trò; quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 27 Điều lệ công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị còn lại

ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 12. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b) Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có Quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản ký tên vào biên bản cuộc họp; trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng và nhiệm kỳ của người phụ trách công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 15. Vai trò; quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ công ty.
3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát áp dụng theo quy định tại Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 16. Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự Khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.

2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 18. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 21. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.
3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham dự.
4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 22. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc.

Điều 23. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của

công ty và những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 24. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như cán bộ quản lý các cấp báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Tổng Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm);

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Trước 31/3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;

d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

4. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 01 bản để báo cáo.

Điều 25. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 26. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a) Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

b) Đối với cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý công ty định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 27. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Thẩm quyền khen thưởng:

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng hiện vật.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban điều hành công ty được thực hiện theo Quy chế khen thưởng được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

d) Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác, người lao động được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng./.

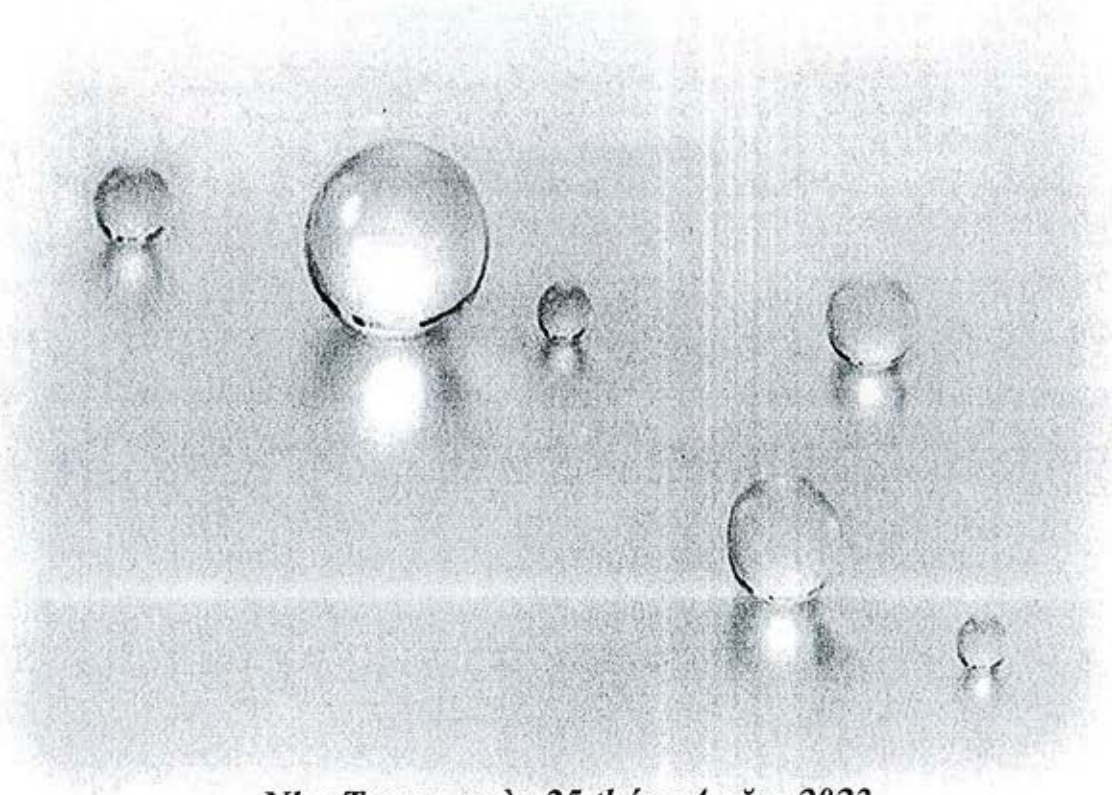

Vũ Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nha Trang, ngày 25 tháng 4 năm 2022



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông. Trường hợp cổ đông sở hữu ít hơn 05% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang

chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

Trừ trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- đ) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 15% đến 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i) Thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật

Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày

thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận

và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Bình